

Số: 36/QĐ-UBND

Chi Lăng Bắc, ngày 12 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của xã Chi Lăng Bắc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHI LĂNG BẮC

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với
các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân huyện Thanh Miện về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội,
dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND Hội đồng nhân dân xã khóa XXII kỳ họp
thứ 06 ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc phê duyệt quyết toán ngân sách xã năm
2022;*

Theo đề nghị của Tài chính - kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Chi Lăng Bắc (Chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký..

Điều 3: Văn phòng HĐND-UBND xã, Tài chính - kế toán xã, các đơn vị và các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng công khai);
- Lưu: VP, TCKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Minh Đức



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của UBND xã Chi Lăng Bắc)

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	11.818.504.980	8.612.304.980	9.100.163.687	8.805.258.723	74,5	102,2
I	Các khoản thu 100%	230.000.000	230.000.000	484.954.690	484.954.690	210,8	210,8
1	Phí và lệ phí	60.000.000	60.000.000	54.024.000	54.024.000	90,0	90,0
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	100.000.000	100.000.000	224.856.000	224.856.000	224,9	224,9
2.1	Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công	100.000.000	100.000.000	222.692.000	222.692.000	222,7	222,7
2.2	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất			2.164.000	2.164.000		
2.3	Khác	-	-				
3	Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			125.884.300	125.884.300		
4	Thu phạt	30.000.000	30.000.000	27.400.000	27.400.000		
5	Thu khác	40.000.000	40.000.000	52.790.390	52.790.390	132,0	132,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.145.100.000	938.900.000	1.171.804.017	876.899.053	21,2	93,4
1	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA (1)	95.500.000	89.300.000	138.380.901	125.254.504	131,2	140,3
-	Thuế TNCN (xã 80%)	31.000.000	24.800.000	65.632.013	52.505.616	169,4	211,7
-	Thuế SDD phi NN	4.000.000	4.000.000	17.812.440	17.812.440		445,3
-	Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.500.000	5.500.000	5.400.000	5.400.000	98,2	98,2
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	55.000.000	55.000.000	49.536.448	49.536.448	90,1	90,1
2	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO QUY ĐỊNH CỦA TỈNH (2)	4.049.600.000	849.600.000	1.033.423.116	751.644.549	18,6	88,5
-	Thu tiền sử dụng đất	4.000.000.000	800.000.000	907.359.500	650.793.650	16,3	81,3
	+Thu tiền sử dụng đất từ đấu giá quyền sử dụng đất (xã 20%)	4.000.000.000	800.000.000	512.359.500	255.793.650	6,4	32,0

ST T	Nội dung	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	+ Tiền đất dôi dư, xen kẹt (xã 100%)	-	-	395.000.000	395.000.000		
-	Thuế giá trị gia tăng (xã 80%)	49.600.000	49.600.000	126.063.616	100.850.899	203,3	203,3
III	Thu chuyển nguồn	500.790.980	500.790.980	500.790.980	500.790.980	100	100
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.942.614.000	6.942.614.000	6.942.614.000	6.942.614.000	100	100
-	Bổ sung cân đối	2.890.477.000	2.890.477.000	2.890.477.000	2.890.477.000	100	100
-	Bổ sung có mục tiêu	4.052.137.000	4.052.137.000	4.052.137.000	4.052.137.000	100	100



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của UBND xã Chi Lăng Bắc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Quyết toán			So sánh QT/DT (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Tổng chi	8.612.304.980	2.584.548.500	6.027.756.480	8.805.258.723	2.435.342.150	6.369.916.573	102,24	94,23	105,68
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	531.168.500		531.168.500	512.570.500	0	512.570.500	96,50		96,50
	- Chi dân quân tự vệ	418.661.000		418.661.000	400.063.000		400.063.000	95,56		95,56
	- Chi an ninh trật tự	112.507.500		112.507.500	112.507.500		112.507.500	100		100
2	Chi giáo dục	497.428.500	484.548.500	12.880.000	497.428.500	484.548.500	12.880.000	100		100
3	Chi y tế	213.518.000		213.518.000	339.402.300		339.402.300	158,96		158,96
4	Chi văn hóa, thông tin	193.629.100		193.629.100	194.629.100		194.629.100	100,52		100,52
5	Chi phát thanh, truyền thanh	104.523.000		104.523.000	105.310.000		105.310.000	100,75		100,75
6	Chi thể dục thể thao	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100		100
7	Chi bảo vệ môi trường	29.925.000		29.925.000	29.925.000		29.925.000	100		100
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.391.617.800	1.300.000.000	91.617.800	1.391.617.800	1.300.000.000	91.617.800	100		100
	- Giao thông	1.323.640.000	1.300.000.000	23.640.000	1.323.640.000	1.300.000.000	23.640.000	100		100
	- Nông - lâm - thủy lợi	67.977.800		67.977.800	67.977.800		67.977.800	100		100
	- Thị chính	0			0					
	- Thương mại, dịch vụ	0			0					

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Quyết toán			So sánh QT/DT (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	- Các hoạt động kinh tế khác	0			0					
9	Chi công tác xã hội	447.900.000		447.900.000	434.598.000	0	434.598.000	97,03		97,03
	- Hưu xã, thôi việc và trợ cấp	214.442.000		214.442.000	202.140.000		202.140.000	94,26		94,26
	- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội	0			0					
	- Trợ cấp xã hội	0			0					
	- Khác	233.458.000		233.458.000	232.458.000		232.458.000	99,57		99,57
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	5.122.746.080	800.000.000	4.322.746.080	4.636.717.700	650.793.650	3.985.924.050	90,51		92,21
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	1.695.000.000		1.695.000.000	1.706.336.823		1.706.336.823	100,67		100,67
	+ Quản lý Nhà nước	3.552.134.080	800.000.000	2.752.134.080	3.211.586.700	650.793.650	2.560.793.050	90,41		93,05
	+ Đảng cộng sản Việt Nam	695.284.000		695.284.000	641.396.000		641.396.000	92,25		92,25
	+ Mặt trận tổ quốc Việt Nam	321.788.000		321.788.000	293.816.345		293.816.345	91,31		91,31
	+ Đoàn Thanh niên CSHCM	172.384.000		172.384.000	157.002.752		157.002.752	91,08		91,08
	+ Hội Phụ nữ Việt nam	122.295.000		122.295.000	106.912.900		106.912.900	87,42		87,42
	+ Hội Cựu chính binh Việt nam	133.370.000		133.370.000	117.991.375		117.991.375	88,47		88,47
	+ Hội Nông dân Việt nam	125.491.000		125.491.000	108.011.628		108.011.628	86,07		86,07
	+ Chi hỗ trợ khác (nếu có)	0			0					
11	Chi khác	69.849.000		69.849.000	61.713.000		61.713.000	88,35		88,35
12	Dự phòng	0			0					
13	Chi chuyển nguồn sang năm 2023	0			591.346.823		591.346.823			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHI LĂNG BẮC**

Biểu số 119/CK-TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của UBND xã Chi Lăng Bắc)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyet		Giá trị khối lượng thực hiện trong năm 2022 (từ ngày 01/01 đến 31/12/2022)				Giá trị thanh toán trong năm 2022 (từ ngày 01/01 đến hết 31/01/2023)			
			Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
				Nguồn đóng góp của dân		Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp của dân
	A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=9+10	8	9	10
3	Trạm y tế											
4	Trụ sở, hội trường UBND xã											
5	Nhà văn hoá											
6	Nghĩa trang											
7	Chợ											
8	Sân thể thao											
9	Bãi rác tập trung											
10	Công trình thủy lợi											
11	Các công trình khác											
	Trong đó: CT hoàn thành trong năm											
1	Đường giao thông											
2	Trường học											
3	Trạm y tế											
4	Trụ sở, hội trường UBND xã											
5	Nhà văn hoá											
6	Nghĩa trang											
7	Chợ											
8	Sân thể thao											
9	Bãi rác tập trung											
10	Công trình thủy lợi											
11	Các công trình khác											



UBND XÃ CHI LĂNG BẮC

Biểu số 116/CK TC-NSNN



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của UBND xã Chi Lăng Bắc)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	8.805.258.723	Tổng số chi	8.805.258.723
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	484.954.690	I- Chi đầu tư phát triển	2.435.342.150
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ 0%	876.899.053	II- Chi thường xuyên	5.778.569.750
III- Thu bổ sung	6.942.614.000	III- Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)	591.346.823
1- Bổ sung cân đối	2.890.477.000	IV- Chi nộp trả ngân sách cấp trên	-
2- Bổ sung có mục tiêu	4.052.137.000		
IV - Thu kết dư ngân sách năm trước	-		
V- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang (nếu có)	500.790.980		
Kết dư ngân sách			-